

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỮU LŨNG
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 11/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 27-02-2025

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỮU LŨNG, TỈNH LẠNG SƠN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Hải Đoàn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Dư Chấn Hưng.

Bà Hoàng Thị Bích Hà.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Lý Hoài - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Văn Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 179/2024/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2024, về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 22 tháng 01 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số: 12/2025/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Lương Văn Đ, sinh năm 1988. Địa chỉ: Thôn Đ, xã Y, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

- Bị đơn: Chị Phương Thị S, sinh năm 1989. Địa chỉ: Thôn Đ, xã Y, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08 tháng 11 năm 2024, trong quá trình tổ tụng nguyên đơn anh Lương Văn Đ trình bày:

Anh Lương Văn Đ và chị Phương Thị S đăng ký kết hôn ngày 05/10/2015, tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện H, tỉnh Lạng Sơn, trước khi kết hôn hai bên được tự do tìm hiểu và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương.

Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian, đến khoảng cuối năm 2019, đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân, do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, vợ chồng không ở gần nhau mỗi người làm một nơi, từ đó dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt, không hạnh phúc và từ tháng 02 năm 2020 vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân vợ chồng có được hai bên gia đình động viên quay về đoàn tụ, tuy nhiên tình cảm vợ chồng vẫn không được cải thiện. Từ khi ly thân hai vợ chồng không còn ai quan tâm đến ai, người nào chỉ biết bổn phận của người đó, xác định tình cảm vợ chồng không còn anh Lương Văn Đ yêu cầu được ly hôn với chị Phương Thị S.

Về con chung, vợ chồng có 02 người con chung, con lớn Lương Thị Vân A sinh ngày 26/01/2007, khi Toà án thụ lý vụ án thì chưa đủ 18 tuổi nhưng đến nay cháu đã trưởng thành đủ 18 tuổi, sức khoẻ lao động bình thường đảm bảo tự nuôi sống bản thân, do vậy không yêu cầu Toà án giải quyết; con nhỏ Lương Bảo K sinh ngày 06/5/2013, hiện nay còn nhỏ đang ở cùng nguyên đơn. Sau ly hôn nguyên đơn yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Lương Bảo K đến 18 tuổi, không yêu cầu bị đơn phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về điều kiện nuôi con, nguyên đơn có thu nhập ổn định khoảng 15.000.000 đồng/tháng và có chỗ ở hợp pháp tại thôn Đ, xã Y, huyện H, tỉnh Lạng Sơn.

Về tài sản chung nguyên đơn không yêu cầu giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án chị Phương Thị S không hợp tác nên không có văn bản trình bày ý kiến.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng các trình tự thủ tục tố tụng. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của họ; bị đơn thực hiện chưa đúng quyền và nghĩa vụ theo Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Về hôn nhân, chấp nhận yêu cầu của anh Lương Văn Đ về việc ly hôn với chị Phương Thị S. Về con chung, con lớn Lương Thị Vân A sinh ngày 26/01/2007 đã trưởng thành đủ 18 tuổi không yêu cầu giải quyết; con nhỏ Lương Bảo K sinh ngày 06/5/2013, giao cho anh Lương Văn Đ được quyền trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi, chị Phương Thị S không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung không xem xét giải quyết. Về án phí căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa các đương sự đều vắng mặt, nhưng nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Vì vậy, căn cứ Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lương Văn Đ và chị Phương Thị S, tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 05/10/2015, tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện H, tỉnh Lạng Sơn, nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Về yêu cầu ly hôn: Xét thấy, cuộc sống hôn nhân có nhiều bất đồng dẫn đến vợ chồng thường xuyên căng thẳng, không hạnh phúc. Từ năm 2020 đến nay vợ chồng sống ly thân không còn quan tâm, giúp đỡ, tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt. Mâu thuẫn vợ chồng ở trên phù hợp với biên bản xác minh ngày 12/12/2024 của Tòa án. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[3] Về con chung: Anh Lương Văn Đ và chị Phương Thị S có 02 người con chung, con lớn Lương Thị Vân A sinh ngày 26/01/2007; con nhỏ Lương Bảo K sinh ngày 06/5/2013. Xét thấy, hiện nay con lớn Lương Thị Vân A đã trưởng thành đủ 18 tuổi, sức khỏe lao động bình thường đảm bảo tự nuôi sống bản thân, nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết là phù hợp với quy định của pháp luật. Đối với, con nhỏ Lương Bảo K hiện nay đang ở cùng nguyên đơn, quá trình giải quyết vụ án bị đơn không hợp tác, không chấp hành giấy triệu tập, thông báo của Tòa án, không cung cấp tài liệu, chứng cứ về điều kiện nuôi con; nguyên đơn đảm bảo điều kiện, khả năng về chỗ ở, thu nhập để nuôi con; nguyện vọng của con mong muốn được sống chung với bố. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu giao con nhỏ Lương Bảo K cho nguyên đơn nuôi dưỡng, giáo dục.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: Xét thấy, Tòa án đã giải thích việc yêu cầu cấp dưỡng cho con là nhằm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của con chung, nhưng nguyên đơn tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung và xét thấy nguyên đơn có đủ khả năng, điều kiện nuôi dưỡng con chung. Do vậy, Hội đồng xét xử không buộc bị đơn phải cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, nguyên đơn phải chịu án phí dân sự để nộp ngân sách Nhà nước.

[7] Xét thấy, ý kiến tại phiên tòa của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định ở trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định tại Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản

1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Lương Văn Đ được ly hôn với chị Phương Thị S.

2. Về con chung: Anh Lương Văn Đ và chị Phương Thị S có 02 người con chung, con lớn Lương Thị Vân A sinh ngày 26/01/2007 đã trưởng thành đủ 18 tuổi không yêu cầu giải quyết nên không xem xét; con nhỏ Lương Bảo K sinh ngày 06/5/2013, sau khi ly hôn anh Lương Văn Đ được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng, cho đến khi đủ 18 tuổi. Chị Phương Thị S không phải cấp dưỡng nuôi con do anh Lương Văn Đ chưa yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Anh Lương Văn Đ phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm, để nộp ngân sách Nhà nước. Xác nhận anh Lương Văn Đ đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0004879 ngày 11 tháng 11 năm 2024, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng;
- Chi cục THADS huyện Hữu Lũng;
- UBND xã Yên Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Hoàng Hải Đoàn